



đề-cương-PLĐC - Mong các bạn ôn tập được điểm cao

Pháp luật đại cương (Đại học Thủy lợi)



Scan to open on Studocu

Câu 1: Xã hội cộng sản nguyên thủy là xã hội

A. Có giai cấp

B. Không có giai cấp mâu thuẫn, đối kháng nhau

C. Do nhà nước quản lý

D. Có 2 giai cấp đối kháng là giai cấp chủ nô và người nô lệ

Câu 2: Khái niệm là nhà nước là

A. Một tổ chức xã hội

B. Một tổ chức quyền lực chính trị đặc biệt có bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện chức năng quản lý xã hội

C. Là tổ chức xã hội nghề nghiệp

D. Là tổ chức chính trị xã hội

Câu 3: Nhà nước xuất hiện khi có những điều kiện gì?

A. Khi có loài người

B. Khi tiền tệ ra đời

C. Khi có sự xuất hiện chế độ tư hữu và sự phân hoá xã hội thành giai cấp

D. Khi có sự xuất hiện của quân đội

Câu 4: Điểm giống nhau giữa các kiểu nhà nước là gì

A. Điều thể hiện tính giai cấp và tính xã hội

B. Dựa trên cơ sở chế độ tư hữu

C. Dựa trên cơ sở chế độ công hữu

D. Điều có sự lãnh đạo của giai cấp thống trị

Câu 5: Hình thức chính thể của nhà nước Việt Nam là

A. Cộng hòa Nghị viện nhân dân;

B. Cộng hòa hỗn hợp

C. Cộng hòa dân chủ nhân dân

D. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Câu 6: Hình thức cấu trúc bộ máy nhà nước của Việt Nam là

A. Nhà nước Liên bang

B. Nhà nước đơn nhất

C. Nhà nước Liên minh

D. Nhà nước tự trị

Câu 7: Nguyên tắc làm việc của Quốc hội là

A. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số

B. Làm việc theo chế độ hội nghị

C. Làm việc theo chế độ hữu nghị và quyết định theo đa số

D. Làm việc bằng chế độ quyết định theo đa số

Câu 8: Cơ cấu tổ chức của Chính phủ bao gồm

A. Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

B. Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng

C. Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

D. Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ

Câu 9: Sự thay thế các kiểu nhà nước trong lịch sử thường diễn ra như thế nào?

A. Các bên thương lượng để giành chính quyền

B. Giai cấp cũ lỗi thời tự nguyện nhường chính quyền cho giai cấp mới tiến bộ hơn

C. Giai cấp mới tiến bộ thường đấu tranh bằng bạo lực cách mạng để giành chính quyền từ tay giai cấp cũ

D. Do nhân dân quyết định

Câu 10: Có mấy kiểu nhà nước trong lịch sử?

A. Nhà nước cộng sản nguyên thủy, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa

B. Nhà nước cộng sản nguyên thủy, nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến và nhà nước xã hội chủ nghĩa

C. Nhà nước cộng sản nguyên thủy, nhà nước chiếm hữu nô lệ, nhà nước phong kiến và nhà nước tư sản

D. Nhà nước chiếm hữu nô lệ, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa

Câu 11: Hình thức chính thể quân chủ chuyên chế được hiểu là

A. Toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng

B. Bên cạnh vua và nữ hoàng có một cơ quan được thành lập theo quy định của hiến pháp để hạn chế quyền lực của Vua hoặc Nữ hoàng

C. Quyền lực của nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập thông qua chế độ bầu cử

D. Vua hoặc Nữ hoàng không có quyền lực, chỉ là người đại diện về phương diện ngoại giao

Câu 12: Hình thức chính thể quân chủ hạn chế được hiểu là?

A Toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về một người đứng đầu là vua hoặc nữ hoàng

B. Bên cạnh vua và nữ hoàng có một cơ quan được thành lập theo quy định của hiến pháp để hạn chế quyền lực của Vua hoặc Nữ hoàng

C. Quyền lực của nhà nước được trao cho một cơ quan được thành lập thông qua chế độ bầu cử

D. Vua hoặc Nữ hoàng không có quyền lực, chỉ là người đại diện về phương diện ngoại giao

Câu 13: Hình thức chính thể cộng hòa được hiểu là?

A. Quyền lực nhà nước được trao cho người đứng đầu theo chế độ thừa kế

B. Quyền lực nhà nước được trao cho một người đứng đầu theo chế độ bầu cử

C. Quyền lực nhà nước được trao cho 1 cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử

D. Quyền lực nhà nước được trao cho Vua hoặc nữ hoàng cùng với cơ quan được thành lập theo chế độ bầu cử

Câu 14: Hình thức cấu trúc nhà nước bao gồm những loại nào?

A. Nhà nước đơn nhất và nhà nước liên bang

B. Nhà nước đơn nhất, nhà nước liên bang và liên minh các nhà nước

C. Nhà nước liên bang và nhà nước liên minh

D. Nhà nước đơn nhất và nhà nước liên minh

Câu 15: Hình thức chính thể cộng hòa có bao nhiêu dạng biểu hiện?

A Chỉ có chính thể cộng hòa quý tộc

B Chính thể cộng hòa quý tộc và chính thể cộng hòa dân chủ

C Chỉ có chính thể cộng hòa dân chủ

D Chính thể cộng hòa chỉ tồn tại ở nhà nước Xã hội chủ nghĩa

Câu 16: Nhà nước đơn nhất là?

A. Là nhà nước có lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất, có hệ thống pháp luật được áp dụng chung trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia và có một hệ thống cơ quan nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương

B. Là nhà nước bao gồm nhiều quốc gia thành viên hợp thành trong đó mỗi quốc gia lại có pháp luật riêng của mình

C. Là nhà nước được chia thành các bang, mỗi bang lại có pháp luật riêng của mình

D. Là nhà nước có nhiều hệ thống pháp luật áp dụng cho mỗi vùng lãnh thổ khác nhau

Câu 17:Nhà nước liên bang là?

- A. Là nhà nước có lãnh thổ toàn vẹn thống nhất
- B. Là nhà nước bao gồm nhiều quốc gia thành viên hợp thành trong đó mỗi quốc gia thành viên lại có pháp luật riêng của mình, đồng thời có một hệ thống pháp luật chung cho toàn liên bang
- C. Là nhà nước chỉ có một hệ thống pháp luật được áp dụng chung trong toàn liên bang
- D. Là nhà nước chỉ có một hệ thống cơ quan nhà nước chung cho toàn liên bang

Câu 18:Bản chất giai cấp của nhà nước được hiểu là?

- A. Nhà nước là bộ máy chuyên chính của giai cấp nắm quyền thống trị về kinh tế, chính trị, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền
- B. Nhà nước là tổ chức quyền lực công đặc biệt nhằm duy trì, bảo vệ trật tự chung của cả cộng đồng
- C. Thể hiện thông qua sự bóc lột của nhà nước
- D. Thể hiện thông qua sự bóc lột của giai cấp thống trị thông qua bộ máy nhà nước

Câu 19: Đặc điểm đặc trưng của nhà nước là

- A. Nhà nước ra đời khi có sự xuất hiện chế độ tư hữu và sự phân hóa xã hội thành giai cấp
- B. Nhà nước chỉ tồn tại trong xã hội có giai cấp đối kháng
- C. Nhà nước luôn mang bản chất giai cấp và xã hội
- D. Nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện sự quản lý bắt buộc đối với mọi công dân

Câu 20: Đặc điểm nào không phải là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước

- A. Nhà nước có phân chia đơn vị hành chính lãnh thổ
- B. Nhà nước thể hiện tính giai cấp và tính xã hội
- C. Nhà nước ban hành pháp luật và quản lý bằng pháp luật
- D. Nhà nước có chủ quyền quốc gia

Câu 21: Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ra đời khi nào?

- A. Năm 1945
- B. Năm 1930
- C. Năm 1975
- D. Năm 1954

Năm 1946 nếu có, ko có 75

Câu 22: Các cơ quan thuộc các nhánh quyền lực nhà nước bao gồm?

A. Quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

B. Quyền lực trung ương, quyền lực địa phương và quyền lực phụ trợ

C. Quyền lực trung ương, quyền lập pháp, quyền hành pháp

D. Quyền hành pháp, quyền tư pháp và quyền công tố

Câu 23: Chính phủ và Quốc hội có mối quan hệ như thế nào?

A. Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội

B. Chính phủ là đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội

C. Chính phủ là đơn vị quản lý Quốc hội

D. Chính phủ là cơ quan lập pháp, Quốc hội là cơ quan hành pháp

Câu 24: Viện kiểm sát nhân dân và tòa án nhân dân có mối quan hệ như thế nào?

A. Viện kiểm sát là đơn vị trực thuộc tòa án

B. Tòa án là đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát

C. Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án

D. Viện kiểm sát và Tòa án là 2 đơn vị hoạt động độc lập và không có liên quan gì nhau

Câu 25: Quốc hội và Viện kiểm sát nhân dân có mối quan hệ như thế nào?

A. Mối quan hệ độc lập và không liên quan gì đến nhau

B. Quốc hội thành lập và chỉ đạo cũng như giám sát hoạt động của VKSND

C. Quốc hội thành lập VKSND và quản lý mọi hoạt động của VKSND

D. Quốc hội thành lập VKSND, VKSND chịu sự giám sát của Quốc hội, Viện trưởng VKSNDTC là đại biểu Quốc hội

Câu 26: Viện kiểm sát thực hiện chức năng và nhiệm vụ nào sau đây?

A. Điều tra B. Xét xử

C. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử

D. Bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự trước tòa

Câu 27: Tòa án thực hiện chức năng, nhiệm vụ nào sau đây?

A. Thực hành quyền công tố B. Xét xử

C. Kiểm sát xét xử

D. Bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự trước tòa

Câu 28: Cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước Việt Nam là?

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Chủ tịch nước
- D. Hội đồng nhân dân

Câu 29: Cơ quan hành chính cao nhất ở Việt Nam là?

- A. Quốc hội
- B. Tòa án
- C. Viện kiểm sát
- D. Chính phủ

Câu 30: Người đứng đầu cơ quan hành chính cao nhất của nước ta là?

- A. Chủ tịch nước
- B. Tổng bí thư
- C. Thủ tướng chính phủ
- D. Chủ tịch Quốc hội

Câu 31: Bản chất giai cấp của pháp luật được hiểu là?

- A. Là khuôn mẫu, quy tắc xử sự đối với mọi công dân
- B. Là ý chí của giai cấp thống trị, nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị
- C. Là quy luật khách quan của đời sống kinh tế
- D. Là sản phẩm của quá trình đấu tranh giai cấp

Câu 32: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc trưng cơ bản của pháp luật

- A. Tính quy phạm phổ biến
- B. Tính phù hợp với quy luật khách quan
- C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức
- D. Tính được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước

Câu 33: Có những kiểu pháp luật nào luật nào trong lịch sử?

- A. Pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến, pháp luật tư sản
- B. Pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến
- C. Pháp luật chủ nô, pháp luật tư sản, pháp luật xã hội chủ nghĩa
- D. Pháp luật chủ nô, pháp luật phong kiến, pháp luật tư sản và pháp luật xã hội chủ nghĩa

Câu 34: Pháp luật và chính trị có điểm giống nhau là?

- A. Đều có tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành
- B. Đều là quy tắc xử sự, điều chỉnh các quan hệ giữa người với người trong xã hội
- C. Đều là những văn bản quy phạm phổ biến

D. Được đảm bảo thực hiện bởi sự cưỡng chế của nhà nước

Câu 35: Pháp luật có mối quan hệ với cơ sở kinh tế như thế nào?

A. Cơ sở kinh tế là yếu tố quyết định sự ra đời và phát triển của pháp luật

B. Pháp luật phản ánh cơ sở kinh tế một cách thụ động

C. Pháp luật và cơ sở kinh tế tồn tại độc lập với nhau

D. Pháp luật là yếu tố có vai trò quyết định đối với sự phát triển của nền kinh tế

Câu 36: Mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật là như thế nào?

A. Pháp luật là công cụ duy nhất giúp nhà nước quản lý xã hội

B. Pháp luật và nhà nước có tính độc lập và không có quan hệ gì với nhau

C. Nhà nước ban hành pháp luật và sử dụng pháp luật để quản lý xã hội, đồng thời nhà nước đảm bảo cho pháp luật được thực hiện trên thực tiễn

D. Nhà nước ban hành và quyết định pháp luật hoàn toàn dựa trên ý chí của giai cấp cầm quyền

Câu 37: Sự ra đời của nhà nước và pháp luật có mối liên hệ như thế nào?

A. Nhà nước xuất hiện trước khi có sự xuất hiện của pháp luật

B. Nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xuất hiện đồng thời và do cùng một nguyên nhân

C. Pháp luật ra đời trước để điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội, nhà nước ra đời sau

D. Tùy từng quốc gia mà nhà nước ra đời trước hay sau pháp luật

Câu 38: Dấu hiệu nào sau đây không phải đặc điểm đặc trưng của pháp luật

A. Có tính quy phạm phổ biến

B. Được đảm bảo thực hiện bởi bộ máy quyền lực đặc biệt

C. Thể hiện lịch sử tại và hình thành, tồn phát triển của nhà nước

D. Có tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa

Câu 39: Mối quan hệ giữa pháp luật và pháp chế là gì?

A. Pháp luật và pháp chế là hai phạm trù đồng nhất với nhau

B. Pháp luật là tiền đề của pháp chế còn pháp chế là phương tiện để bảo đảm cho pháp luật được thực hiện

C. Pháp luật và pháp chế là hai phạm trù độc lập, không có liên quan đến nhau

D. Tình trạng của pháp chế không phụ thuộc vào pháp luật mà chỉ phụ thuộc vào ý thức pháp luật

Câu 40: Đâu không phải là nguồn của pháp luật?

- A. Án lệ
- B. Tập quán pháp
- C. Văn bản quy phạm pháp luật
- D. Các bản án đã có hiệu lực của Tòa

Câu 41: Văn bản có giá trị pháp lý cao nhất là?

- A. Hiến pháp
- B. Bộ luật dân sự
- C. Bộ luật hình sự
- D. Luật hành chính

Câu 42: Cường chế thi hành pháp luật là sự tác động từ phía?

- A. Các cá nhân trong xã hội
- B. Các tổ chức trong xã hội
- C. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- D. Chỉ có tòa án, Viện kiểm sát

Câu 43: Biện pháp đặc trưng của nhà nước bảo đảm sự thi hành pháp luật là?

- A. Nhà nước giáo dục thực hiện
- B. Nhà nước cưỡng chế thi hành
- C. Nhà nước hướng dẫn luật
- D. Nhà nước động viên, khuyến khích, động viên nhân dân chấp hành pháp luật

Câu 44: Đâu là vai trò của pháp luật

- A. Xác lập chuẩn mực pháp lý
- B. Điều chỉnh quan hệ xã hội
- C. Kiến tạo trật tự xã hội
- D. Tổ chức bộ máy nhà nước

Câu 45: Các tính chất của chuẩn mực pháp lý bao gồm?

- A. Là chuẩn mực cơ bản và có ý nghĩa giáo dục
- B. Là chuẩn mực chính thức và có tính giáo dục
- C. Là chuẩn mực cơ bản và có tính cưỡng chế cao
- D. Là chuẩn mực cơ bản, chính thức, mang tính cưỡng chế và được ưu tiên áp dụng

Câu 46: Những quy tắc xử sự hình thành lâu dài một cách tự nhiên trong lịch sử xã hội, được áp dụng lặp đi lặp lại thường xuyên liên tục trong những hoàn cảnh tương tự và được nhà nước công nhận, có giá trị và hiệu lực áp dụng như những quy phạm pháp luật gọi là:

- A. Tương tự pháp luật
- B. Tập quán pháp
- C. Tiền lệ pháp
- D. Văn bản quy phạm pháp luật

Câu 47: Bản án của Tòa, phán quyết của trọng tài đã có hiệu lực thi hành được Nhà nước công nhận và cho phép áp dụng được gọi là?

- A. Tương tự pháp luật B. Tập quán pháp
C. Tiền lệ pháp D. Văn bản quy phạm pháp luật

Câu 48: Về tính chất của văn bản Hiến pháp được xác định là?

- A. Một bộ luật có giá trị hiệu lực pháp lý cao nhất.
B. Một đạo luật gốc có giá trị hiệu lực pháp lý cao nhất.
C. Một văn bản dưới luật do cơ quan quyền lực nhà nước ban hành.
D. Tất cả các phương án trên.

Câu 49: Chủ thể có thẩm quyền ban hành Hiến pháp là:

- A. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội và HĐND các cấp).
B. Hệ thống cơ quan nhà nước ở Trung ương.
C. Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

D. Quốc hội

Câu 50: Nhà nước chủ trương sử dụng thịnh hành hình thức pháp luật

- A. Tập quán pháp B. Tín điều tôn giáo
C. Văn bản quy phạm pháp luật D. Truyền miệng

Câu 51: Trẻ em là công dân Việt Nam được người nước ngoài nhận làm con nuôi thì?

- A. Mất quốc tịch Việt Nam B. Thôi quốc tịch Việt Nam
C. Tước quốc tịch Việt Nam D. Vẫn giữ nguyên quốc tịch Việt Nam

Câu 52: Như thế nào là “tính toàn diện” của hệ thống pháp luật?

- A. Là phản ánh đầy đủ các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội
B. Là phải có đủ các ngành luật, các chế định pháp luật, các quy phạm pháp luật, không xảy ra tình trạng “thừa luật” hoặc “thiếu luật”
C. Là phản ánh đúng các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội
D. Là phải thống nhất, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật

Câu 53: Như thế nào là “tính khách quan” của hệ thống pháp luật?

- A. Là phải có đủ các ngành luật, các chế định pháp luật, các quy phạm pháp luật
B. Là phải thống nhất, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật

C. Là phản ánh **đúng** các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội

D. Là phản ánh đầy đủ các quy luật vận động của đời sống kinh tế, xã hội.

Câu 54: Các tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật là gì?

A. Chỉ cần đáp ứng một tiêu chuẩn là “tính toàn diện”

B. Chỉ cần đáp ứng một tiêu chuẩn là “tính khách quan”

C. Chỉ cần đáp ứng một tiêu chuẩn là “tính thống nhất, khoa học”

D. Phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn là: tính toàn diện, tính khách quan, tính thống nhất, khoa học và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lập pháp

Câu 55: Khái niệm hệ thống pháp luật được hiểu là?

A. Là tất cả các văn bản pháp luật do nhà nước ban hành

B. Là tổng hợp các quy phạm pháp luật có mối quan hệ thống nhất, nội tại với nhau được sắp xếp theo một chỉnh thể gồm các ngành luật, các chế định pháp luật, phù hợp với tính chất, nội dung của các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh

C. Là tổng hợp các quy phạm pháp luật trong cùng một chế định pháp luật

D. Là tổng hợp các quy phạm pháp luật trong cùng một ngành luật

Câu 56: Văn bản nào sau đây là văn bản áp dụng pháp luật?

A. Bộ luật dân sự 2015

B. Bộ Luật lao động 2019

C. Luật doanh nghiệp 2020

D. **Quyết định** xử phạt vi phạm hành chính

Câu 57: Ủy ban nhân dân địa phương có quyền ban hành loại văn bản pháp luật nào?

A. Được ban hành tất cả các loại văn bản pháp luật để áp dụng ở địa phương

B. **Chỉ được ban hành quyết định**

C. Được ban hành nghị định và quyết định

D. Chỉ được ban hành nghị quy

Câu 58: Loại văn bản nào sau đây là văn bản dưới luật?

A. Bộ luật lao động 2019

B. **Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội**

C. Luật doanh nghiệp 2020

D. Hiến pháp

Câu 59: Loại văn bản nào sau đây là văn bản pháp luật?

A. **Hiến pháp**

B. Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

C. Nghị định của Chính phủ

D. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Câu 60: Thủ tướng chính phủ được ban hành Văn bản quy phạm pháp luật nào dưới đây

- A. Chỉ thị, quyết định
- B. Nghị định
- C. Quyết định
- D. Nghị quyết

Câu 61: (Khó) Giỗ tổ Hùng Vương là hình thức pháp luật nào được công nhận ở Việt Nam

- A. Tập quán pháp
- B. Tiền lệ pháp
- C. Văn bản quy phạm pháp luật
- D. Văn bản áp dụng pháp luật

Câu 62: (Khó) Cơ quan nào sau đây không có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật?

- A. Chính phủ
- B. Ủy ban nhân dân
- C. Các cơ quan trực thuộc chính phủ (văn phòng chính phủ, các vụ thuộc chính phủ)
- D. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Câu 63: (Khó) Chủ thể nào sau đây được “Ủy quyền lập pháp” ở Việt Nam

- A. Ủy ban thường vụ Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Các đoàn Đại biểu Quốc hội
- D. Các Đại biểu Quốc hội

Câu 64: (Khó) Loại văn bản nào sau đây không phải là văn bản pháp luật?

- A. Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội
- B. Nghị định của Chính phủ
- C. Thông tư của Bộ, cơ quan ngang Bộ
- D. Nghị quyết của Bộ chính trị

Câu 65: (Khó) Nghị quyết số 128 ngày 11/10/2021 quy định tạm thời về kiểm soát dịch Covid-19 ở Việt Nam do chủ thể nào ban hành

- A. Quốc hội
- B. Tổng bí thư
- C. Chính phủ
- D. Thủ tướng Chính phủ

Câu 66: (Khó) Hình thức pháp luật nào mà Nhà nước tư sản thường áp dụng

- A. Tập quán pháp
- B. Tiền lệ pháp
- C. Văn bản Quy phạm pháp luật
- D. Cả ba hình thức trên

Câu 67: (Khó) Quyết định thỏa thuận trọng tài là hình thức pháp luật

- A. Tiền lệ pháp
- B. Tập quán pháp
- C. Văn bản Quy phạm pháp luật
- D. Không là hình thức pháp luật nào

Câu 68: quy phạm pháp luật được cấu thành bởi các bộ phận nào?

- A. chỉ gồm hai bộ phận bắt buộc là “quy định” và “chế tài”
- B. chỉ gồm hai bộ phận bắt buộc là “giả định” và “chế tài”
- C. chỉ gồm hai bộ phận bắt buộc là “giả định” và “quy định”
- D. phải gồm ba bộ phận là “giả định”, “quy định” và “chế tài”

Câu 69: Quy tắc xử sự nào sau đây là Quy phạm pháp luật

- A. Quy tắc xử sự bắt buộc trong các tôn giáo
- B. Những thói quen được hình thành từ lâu đời, được xã hội thừa nhận
- C. Những quy tắc xử sự được Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, bảo đảm thực hiện
- D. Các ứng xử chung giữa người với người trong xã hội

Câu 70: Quy phạm pháp luật và quy phạm xã hội:

- A. Hoàn toàn khác nhau
- B. Hoàn toàn giống nhau
- C. Chỉ có điểm khác nhau, không có điểm giống nhau
- D. Có điểm giống nhau và khác nhau

Câu 71: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành là:

- A. Nghị định
- B. Chỉ thị
- C. Nghị quyết
- D. Thông tư

Câu 72: Văn bản quy phạm pháp luật giá trị pháp lý cao nhất là:

- A. Bộ luật hình sự
- B. Hiến pháp
- C. Luật tổ tụng hành chính
- D. Luật Chủ tịch nước

Câu 73: Bộ phận “quy định” của Quy phạm pháp luật

- A. Có thể không được diễn đạt trong các quy phạm pháp luật
- B. Luôn được có trong quy phạm pháp luật
- C. Thường nằm ở giữa các Quy phạm pháp luật
- D. Nêu lên hoàn cảnh tác động dự kiến vào các chủ thể

Câu 74: Bộ phận “chế tài” còn gọi là

- A. Bộ phận không thể thiếu trong các Quy phạm pháp luật
- B. Quy định về chủ thể của vi phạm pháp luật
- C. Liên quan đến hình phạt trong luật hình sự

D. Biện pháp tác động của Nhà nước

Câu 75: Bộ phận “quy định” trong quy phạm pháp luật thường chứa đựng

- A. Biện pháp tác động của Nhà nước
- B. Chỉ hoàn cảnh cụ thể
- C. Chỉ hoàn cảnh tác động của các chủ thể

D. Mệnh lệnh của Nhà nước dưới dạng Nghiêm cấm

Câu 76:Đâu là đặc điểm riêng của Quy phạm pháp luật mà quy phạm xã hội không có

- A. Nội dung của QPPL thường thể hiện 2 mặt: Cho phép và bắt buộc
- B. Được thực hiện nhiều lần trong thực tế cuộc sống
- C. Là khuôn mẫu, chuẩn mực, định hướng xử sự cho mọi người trong xã hội
- D. Là tiêu chuẩn xác định giới hạn và đánh giá hành vi của con người

Câu 77: Bộ phận “giả định”

- A. Chỉ nêu lên chủ thể
- B. Nêu lên chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh
- C. Nêu lên biện pháp tác động vào chủ thể có hoàn cảnh, điều kiện
- D. Nêu lên mệnh lệnh của Nhà nước đối với chủ thể có điều kiện, hoàn cảnh

Câu 78: “Công dân phải nộp thuế theo quy định của pháp luật”; QPPL trên:

- A. Chỉ có bộ phận giả định
- B. Có bộ phận giả định và quy định
- C. Chỉ có bộ phận quy định
- D. Có đầy đủ ba bộ phận: Giả định, quy định, chế tài

Câu 79: “Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng”; “Vợ”, “chồng” là:

- A. Giả định đơn giản
- B. Giả định phức tạp
- C. Giả định hình thức
- D. Giả định nội dung

Câu 80: Cách xác định bộ phận “quy định: là

- A. Chủ thể là ai? Khi nào? Điều kiện nào?
- B. Được làm gì? Phải làm gì và làm ntn?
- C. Hậu quả pháp lý sẽ gánh chịu như thế nào?
- D. Quy định điều gì trong Quy phạm PL?

Câu 81: Quy định việc nhận “huy chương vì thành tích chống covid” trong văn bản pháp luật là bộ phận:

- A. Giả định

B. Quy định

C. Biện pháp tác động

D. Loại hình thức mới vì Covid mới xuất hiện 03 năm 2019, 2020, 2021

Câu 82: Một quy phạm pháp luật

A. Phải được trình bày trong một điều luật

B. Được trình bày tại Văn bản có giá trị cao nhất là Hiến pháp

C. Có thể được trình bày trong một điều luật

D. Không nhất thiết bắt buộc phải do Nhà nước ban hành

Câu 83: Cấu trúc của quy phạm pháp luật bao gồm các bộ phận?

A. Giả định, quy định

B. Giả định, chế tài

C. Quy định, chế tài

D. Giả định, quy định, chế tài

Câu 84: Phần giả định của quy phạm pháp luật là?

A. Xác định hoàn cảnh mà quy phạm hướng tới

B. Xác định mệnh lệnh Nhà nước mà quy phạm pháp luật hướng tới

C. Xác định điều kiện mà quy phạm hướng tới

D. Xác định chủ thể

Câu 85: Không nhất thiết phải có các bộ phận ...trong Quy phạm pháp luật

A. Giả định

B. Quy định

C. Chế tài

D. Quy định và chế tài

Câu 86: Loại quy tắc xử sự nào sau đây là quy phạm pháp luật

A. Các chuẩn mực ứng xử chung giữa người với người trong đời sống xã hội được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng

B. Những thói quen hình thành từ lâu đời và được cộng đồng thừa nhận

C. Những quy tắc xử sự bắt buộc trong các tôn giáo

D. Những quy tắc xử sự được nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện

Câu 87: Bộ phận giả định có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?

A. Xác định cách xử sự của các chủ thể pháp luật khi tham gia vào các quan hệ xã hội

B. Xác định chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh chịu sự tác động của quy phạm pháp luật

C. Xác định biện pháp xử lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật

D. Xác định biện pháp tác động vào chủ thể

Câu 88: Bộ phận quy định có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật

A. Xác định chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh chịu sự tác động của quy phạm pháp luật

B. Xác định biện pháp xử lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật

C. Xác định cách xử sự của các chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội

D. Xác định biện pháp tác động đến chủ thể đã nêu ở phần giả định

Câu 89: Bộ phận “chế tài” có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?

A. Xác định chủ thể, điều kiện, hoàn cảnh chịu sự tác động của quy phạm PL

B. Xác định cách xử sự của các chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội

C. Xác định biện pháp tác động đối với chủ thể vi phạm pháp luật

D. Tùy từng trường hợp mà có một trong các ý nghĩa nêu trên.

Câu 90: Bộ phận bắt buộc phải có trong Quy phạm pháp luật là bộ phận

A. Giả định B. Quy định

C. Chế tài D. Tùy từng trường hợp có hoặc không có bộ phận này trong QPPL

Câu 91: Quy phạm bắt buộc được hiểu là?

A. Là loại quy phạm đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật phải làm việc đó

B. Là loại quy phạm đặt ra một việc cụ thể và cấm các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật được làm việc đó

C. Là loại quy phạm đặt ra một việc cụ thể và cho phép các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó

D. Là loại quy phạm đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật phải thực hiện 1 phần công việc đó

Câu 92: Quy phạm cấm đoán là quy phạm như thế nào?

A. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật phải làm việc đó

B. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cấm các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật làm việc đó

C. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cho phép các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó.

D. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cấm các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật không được làm 1 phần của việc đó

Câu 93: Quy phạm lựa chọn được hiểu là như thế nào?

- A. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cấm các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật làm việc đó
- B. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật phải làm việc đó
- C. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và cho phép các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó.
- D. Là loại quy phạm mà nó đặt ra một việc cụ thể và buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật phải làm 1 phần công việc đó

Câu 94: Chế tài của quy phạm pháp luật bao gồm những loại nào?

- A. Chế tài hình sự B. Chế tài vật chất
- C. Chế tài kỷ luật D. Chế tài hình sự, vật chất và kỷ luật

Câu 95: Chế tài hình sự được hiểu là?

- A. Là biện pháp cưỡng chế nhà nước chỉ được quy định trong bộ luật hình sự
- B. Là biện pháp cưỡng chế nhà nước có thể được quy định trong tất cả các văn bản pháp luật
- C. Là biện pháp cưỡng chế nhà nước có thể được quy định trong tất cả các đạo luật do quốc hội ban hành
- D. Là biện pháp cưỡng chế trong tất cả các văn bản quy phạm pháp luật

Câu 96: “Chế tài hình sự” được áp dụng đối với loại vi phạm pháp luật nào?

- A. Được áp dụng đối với tất cả các loại vi phạm pháp luật
- B. Chỉ được áp dụng đối với vi phạm pháp luật là tội phạm
- C. Được áp dụng đối với tội phạm và vi phạm hành chính
- D. Chỉ áp dụng đối với vi phạm hành chính

Câu 97: Biện pháp nào sau đây không phải là chế tài hình sự?

- A. Bồi thường thiệt hại B. Phạt tiền
- C. Cải tạo không giam giữ D. Tử hình

Câu 98: (Khó) Quy phạm pháp luật được chứa đựng trong các hình thức

- A. Chỉ có trong Hiến pháp
- B. Trong văn bản quy phạm pháp luật
- C. Trong tập quán pháp, án lệ và văn bản quy phạm pháp luật

D. Trong mọi văn bản luật

Câu 99: (Khó) Chế tài nào là chế tài có hình thức bảo vệ và bảo đảm

A. Chế tài hình sự

B. Chế tài dân sự

C. Chế tài kỷ luật

D. Không có chế tài nào có hình thức này

Câu 100: (Khó) “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang..” QPPL này:

A. Đầy đủ các bộ phận Giả định quy định, chế tài

B. Chỉ có bộ phận quy định

C. Chỉ có bộ phận giả định, không có quy định và chế tài

D. Không có bộ phận giả định

Câu 101 “Ng nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới” – QPPL này

A Không có bộ phận giả định

B Chỉ có bộ phận quy định

C Có bộ phận giả định và quy định

D Đầy đủ các bộ phận giả định, quy định và chế tài

Câu 102 “Cấm ngược đãi, hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, anh, chị, em và các thành viên khác trong gia đình”; QPPL này

A Chỉ có Bộ phận quy định

B Đầy đủ các bộ phận

C Thiếu bộ phận chế tài

D Chỉ có phần giả định

Câu 103 Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.”. Đây là:

A Quy phạm pháp luật cấm đoán

B Quy phạm pháp luật cho phép

C Quy phạm pháp luật dứt khoát

D Quy phạm pháp luật bảo vệ

Câu 104 “Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu”. QPPL này:

A Đầy đủ các bộ phận Giả định, quy định và chế tài

B Chỉ có bộ phận giả định

C Có bộ phận giả định và quy định

D Chỉ có bộ phận quy định

Câu 105 Những yếu tố nào sau đây không thuộc quan hệ pháp luật:

A Chủ thể

B Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

C Động cơ

D Quyền và nghĩa vụ của các bên

Câu 106 Những yếu tố nào sau đây không thuộc quan hệ pháp luật

A Chủ thể

B Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

C Hành vi

D Quyền và nghĩa vụ của các bên

Câu 107 Những yếu tố nào sau đây không thuộc quan hệ pháp luật:

A Chủ thể

B Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

C Quyền và nghĩa vụ của các bên

D Thời gian

Câu 108 Những yếu tố nào sau đây không thuộc quan hệ pháp luật:

A Lỗi

B Chủ thể

C Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

D Quyền và nghĩa vụ của các bên

Câu 109 Những yếu tố nào sau đây không thuộc quan hệ pháp luật:

A Hậu quả

B Chủ thể

C Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

D Quyền và nghĩa vụ của các bên

Câu 110 Những yếu tố nào sau đây không thuộc quan hệ pháp luật:

A Chủ thể

B Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

C Mọi quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả

D Quyền và nghĩa vụ của các bên

Câu 111 Những yếu tố nào sau đây thuộc quan hệ pháp luật:

A Địa điểm

B Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

C Thời gian

D Động cơ

Câu 112 Những yếu tố nào sau đây thuộc quan hệ pháp luật:

A Lỗi

B Lợi ích mà các chủ thể hướng tới

C Hành vi

D Động cơ

Câu 113 Những yếu tố nào sau đây không thuộc quan hệ pháp luật

A Chủ thể

B Khách thể

C Nội dung

D Khách quan

Câu 114 Những yếu tố nào sau đây thuộc quan hệ pháp luật:

A Chủ thể

B Lỗi

C Động cơ

D Mục đích

Câu 115 Những yếu tố nào sau đây thuộc quan hệ pháp luật:

A Chủ thể

B Hành vi

C Hậu quả

D Mọi quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả

Câu 116 Chủ thể nào không tham gia vào các quan hệ pháp luật ở Việt Nam

A Người không có quốc tịch ở nước ngoài

B Người nước ngoài sinh sống ở nước ngoài

C Người nước ngoài sinh sống ở Việt Nam

D Người không có quốc tịch sinh sống ở Việt Nam

Câu 117 Những chủ thể nào dưới đây có thể là chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự:

A Người từ 6 tuổi đến dưới 14 tuổi

B Người đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi

C Người đủ 18 tuổi bị mất năng lực hành vi dân sự

D Mọi chủ thể

Câu 118 Những chủ thể nào dưới đây có thể là chủ thể quan hệ pháp luật hành chính ở Việt Nam

A Người không có quốc tịch sinh sống ở nước ngoài

B Người đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi

C Người đủ 18 tuổi bị mất năng lực hành vi dân sự

D Mọi chủ thể

Câu 119 Những chủ thể nào dưới đây có thể tham gia vào quan hệ pháp luật hình sự:

A Pháp nhân thương mại

B Pháp nhân phi thương mại

C Người đủ 18 tuổi bị mất năng lực hành vi dân sự

D Mọi chủ thể

Câu 120 Những chủ thể nào dưới đây **không** là chủ thể quan hệ pháp luật **hình sự**:

A Người từ 6 tuổi đến dưới 14 tuổi

B Người đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi

C Người đủ 18 tuổi bị mất năng lực hành vi dân sự

D Cá nhân nước ngoài cư trú tại Việt Nam

Câu 121 Chủ thể nào không là chủ thể quan hệ pháp luật hình sự:

A Cá nhân Việt Nam

B Cá nhân nước ngoài

C Pháp nhân thương mại

D Pháp nhân phi thương mại

Câu 122 Chủ thể nào không là chủ thể quan hệ pháp luật hình sự:

- A Toà án
- B Viện Kiểm sát
- C Cơ quan điều tra

D Cảnh sát giao thông

Câu 123 Chủ thể nào không là chủ thể quan hệ pháp luật hình sự

- A Toà án
- B Viện Kiểm sát
- C Cơ quan điều tra

D Bộ Tư pháp

Câu 124 Những chủ thể nào dưới đây là chủ thể quan hệ pháp luật dân sự:

- A Người chưa đủ 6 tuổi
- B Người đủ 6 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi
- C Người đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

D Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản (chấm dứt hoạt động)

Câu 125 Những chủ thể nào dưới đây không là chủ thể quan hệ pháp luật hành chính

- A Người chưa đủ 6 tuổi
- B Người đủ 6 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi
- C Người đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

D Doanh nghiệp bị tuyên bố giải thể (chấm dứt hoạt động)

Câu 126 Những chủ thể nào dưới đây không là chủ thể quan hệ pháp luật hôn nhân

- A Nam từ đủ 18 tuổi trở lên**
- B Nam từ đủ 20 tuổi trở lên
- C Nữ từ đủ 18 tuổi trở lên
- D Nữ từ đủ 20 tuổi trở lên

Câu 127 Câu nào sau đây không đúng:

- A Quan hệ pháp luật mang tính giai cấp
- B Quan hệ pháp luật mang tính xã hội
- C Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội

D Quan hệ xã hội là quan hệ pháp luật

Câu 128 Câu nào sau đây đúng:

- A Quan hệ pháp luật không mang tính giai cấp
- B Quan hệ pháp luật không mang tính xã hội

C Quan hệ xã hội là quan hệ pháp luật

D Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội

Câu 129 Câu nào sau đây không đúng khi nhận xét về quan hệ pháp luật:

A Quan hệ pháp luật mang tính giai cấp

B Quan hệ pháp luật mang tính xã hội

C Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội

D Quan hệ pháp luật chỉ mang ý chí của nhà nước

Câu 130 Khả năng cá nhân có quyền và nghĩa vụ dân sự gọi là:

A Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân

B Năng lực hành vi dân sự của cá nhân

C Năng lực cá nhân

D Năng lực công dân

Câu 131 Khả năng cá nhân **bằng hành vi** của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự gọi là:

A Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân

B Năng lực hành vi dân sự của cá nhân

C Năng lực cá nhân

D Năng lực công dân

Câu 132 Nội dung của quan hệ pháp luật gồm

A Thỏa thuận của các bên chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật

B Quy phạm pháp luật điều chỉnh

C Quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật

D Quyền, nghĩa vụ pháp lý và chế tài áp dụng đối với các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật

Câu 133 A bán cho B một chiếc điện thoại. Khách thể của quan hệ pháp luật giữa A với B là:

A Điện thoại

B Quyền sử dụng chiếc điện thoại

C Quyền chiếm hữu chiếc điện thoại

D Số tiền bán điện thoại

Câu 134 A cho B mượn xe máy. Khách thể của quan hệ pháp luật giữa A với B là:

A Xe máy

B Quyền sở hữu xe máy

C Quyền sử dụng xe máy

D Quyền định đoạt xe máy

Câu 135 A nhờ B trông hộ xe máy giúp mình (không thanh toán thù lao). Khách thể của quan hệ giữa A với B là:

A Xe máy

B Công việc giúp đỡ

C Quyền sở hữu xe máy

D Quyền chiếm hữu và sử dụng xe máy

Câu 136 Yếu tố nào không phải là điều kiện làm phát sinh quan hệ pháp luật

A Khách thể

B Quy phạm pháp luật

C Sự kiện pháp lý

D Năng lực chủ thể

Câu 137 Quan hệ pháp luật mà một bên chủ thể được xác định, một bên là chủ thể bất kỳ là:

A Quan hệ pháp luật tuyệt đối

B Quan hệ pháp luật tương đối

C Quan hệ pháp luật điều chỉnh

D Quan hệ pháp luật bảo vệ

Câu 138 Quan hệ pháp luật mà các bên chủ thể chưa được xác định trước là:

A Quan hệ pháp luật tuyệt đối

B Quan hệ pháp luật tương đối

C Quan hệ pháp luật điều chỉnh

D Quan hệ pháp luật bảo vệ

Câu 139 Quan hệ pháp luật mà các bên tiến hành các xử sự trên cơ sở những quy định của pháp luật

A Quan hệ pháp luật điều chỉnh

B Quan hệ pháp luật bảo vệ

C Quan hệ pháp luật đơn giản

D Quan hệ pháp luật phức tạp

Câu 140 Quan hệ pháp luật mà các bên tham gia không thể tự mình tiến hành các xử sự nếu thiếu các quy định khác của pháp luật và sự can thiệp của các cá nhân, tổ chức khác.

A Quan hệ pháp luật điều chỉnh

B Quan hệ pháp luật bảo vệ

C Quan hệ pháp luật đơn giản

D Quan hệ pháp luật phức tạp

Câu 141 Quan hệ xã hội nào sau đây không phải là quan hệ pháp luật theo quy định pháp luật Việt Nam

A Anh A và chị B đăng ký kết hôn với nhau.

B Anh A tặng chị B một chiếc điện thoại di động.

C Anh A cho chị B mượn chiếc máy sấy tóc

D Anh A và chị B là cặp đôi đang yêu nhau.

Câu 142 Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của **quá trình điều chỉnh pháp** luật thuộc về:

A Phạm vi điều chỉnh

B Đối tượng điều chỉnh

C Phương pháp điều chỉnh

D Cơ chế điều chỉnh

Câu 143 Trường hợp nào không phải là đối tượng điều chỉnh pháp luật:

A Quan hệ bạn thân

B Quan hệ hôn nhân khác giới

C Quan hệ mua bán tài sản

D Quan hệ cho thuê tài sản

Câu 144 Trường hợp nào là đối tượng điều chỉnh pháp luật:

A Cá nhân Việt Nam

B Cá nhân nước ngoài

C Quan hệ mua bán tài sản giữa cá nhân Việt Nam với cá nhân nước ngoài

D Cá nhân vừa mang quốc tịch Việt Nam vừa mang quốc tịch nước ngoài

Câu 145 Lựa chọn đáp án **đúng**:

A Pháp luật điều chỉnh mọi quan hệ xã hội

B Pháp luật điều chỉnh mọi cá nhân, tổ chức

C Pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội phù hợp với ý chí nhà nước

D Pháp luật điều chỉnh quan hệ pháp luật

Câu 146 Lựa chọn đáp án đúng:

A Pháp luật chỉ điều chỉnh những quan hệ xã hội không phù hợp với ý chí Nhà nước

B Pháp luật chỉ điều chỉnh những quan hệ xã hội phù hợp với ý chí Nhà nước.

C Pháp luật điều chỉnh cả những quan hệ xã hội phù hợp và không phù hợp với ý chí Nhà nước.

D Pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội mà Nhà nước thấy cần phải tác động bằng

pháp luật.

Câu 147 Đối tượng điều chỉnh pháp luật là:

- | | |
|---|---------------------------|
| A | Chủ thể |
| B | Khách thể |
| C | Quan hệ pháp luật |
| D | Hành vi vi phạm pháp luật |

Câu 148 Pháp luật điều chỉnh đối tượng nào sau đây

- | | |
|---|---|
| A | Mọi quan hệ xã hội |
| B | Quan hệ xã hội mà nhà nước cần tác động |
| C | Chủ thể |
| D | Khách thể |

Câu 149 Chọn đáp án sai

- | | |
|---|--|
| A | Đối tượng điều chỉnh của pháp luật là mọi quan hệ xã hội |
| B | Đối tượng điều chỉnh của pháp luật gồm những quan hệ xã hội không phù hợp với ý chí của nhà nước |
| C | Đối tượng điều chỉnh của pháp luật gồm những quan hệ xã hội phù hợp với ý chí của nhà nước |
| D | Đối tượng điều chỉnh của pháp luật là quan hệ pháp luật |

Câu 150 Điều chỉnh pháp luật là hoạt động:

- | | |
|---|--|
| A | Xây dựng pháp luật |
| B | Tổ chức thực hiện pháp luật |
| C | Nhà nước dùng pháp luật tác động lên hành vi của các chủ thể |
| D | Kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật |

Câu 151 Phương pháp điều chỉnh pháp luật là

- | | |
|---|--|
| A | Cách thức mà nhà nước tác động lên các quan hệ xã hội |
| B | Hệ thống thống nhất các phương tiện, quy trình pháp lý |
| C | Quá trình nhà nước dùng pháp luật tác động lên hành vi của các chủ thể |
| D | Do chính các quy phạm pháp luật tác động lên chủ thể |

Câu 152 Cơ chế điều chỉnh pháp luật là:

- | | |
|---|--|
| A | Cách thức mà nhà nước tác động lên các quan hệ xã hội |
| B | Hệ thống thống nhất các phương tiện, quy trình pháp lý |
| C | Quá trình nhà nước dùng pháp luật tác động lên hành vi của các chủ thể |
| D | Do chính các quy phạm pháp luật tác động lên chủ thể |

Câu 153 Phạm vi điều chỉnh pháp luật bao gồm:

A	Số lượng các chủ thể được điều chỉnh
B	Mức độ điều chỉnh
C	Lãnh thổ điều chỉnh
D	Thời gian điều chỉnh

Câu 154 Phạm vi điều chỉnh pháp luật bao gồm:

A	Số lượng chủ thể được điều chỉnh
B	Số lượng các quan hệ xã hội được điều chỉnh
C	Lãnh thổ điều chỉnh
D	Thời gian điều chỉnh

Câu 155 Xây dựng pháp luật thuộc về

A	Phạm vi điều chỉnh
B	Đối tượng điều chỉnh
C	Phương pháp điều chỉnh
D	Cơ chế điều chỉnh

Câu 156 Lựa chọn đáp án đúng

A	Xây dựng pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội
B	Xây dựng pháp luật là hoạt động tuân thủ pháp luật
C	Xây dựng pháp luật là phương pháp điều chỉnh pháp luật
D	Xây dựng pháp luật là cơ chế điều chỉnh pháp luật

Câu 157 Chọn đáp án đúng

A	Xây dựng pháp luật là hoạt động áp dụng pháp luật
B	Xây dựng pháp luật thuộc nội dung điều chỉnh
C	Xây dựng pháp luật thuộc cơ chế điều chỉnh
D	Xây dựng pháp luật là cách thức nhà nước tác động lên các quan hệ xã hội

Câu 158 Tổ chức thực hiện pháp luật thuộc về

A	Phương pháp điều chỉnh
B	Cơ chế điều chỉnh
C	Đối tượng điều chỉnh
D	Phạm vi điều chỉnh

Câu 159 Chọn đáp án đúng

A	Chỉ có Quốc hội mới có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật
B	Chỉ có Chính phủ mới có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật

C	Tổ chức thực hiện pháp luật là hoạt động sử dụng pháp luật
D	Tổ chức thực hiện pháp luật là điều chỉnh pháp luật

Câu 160 Đáp án **nào không đúng**

A	Tổ chức thực hiện pháp luật là điều chỉnh pháp luật
B	Tổ chức thực hiện pháp luật là cơ chế điều chỉnh
C	Tổ chức thực hiện pháp luật là phương pháp điều chỉnh
D	Tổ chức thực hiện pháp luật là cách thức nhà nước tác động lên các quan hệ xã hội

Câu 161 **Kiểm tra, giám sát** quá trình điều chỉnh pháp luật thuộc về:

A	Đối tượng điều chỉnh
B	Phạm vi điều chỉnh
C	Phương pháp điều chỉnh
D	Cơ chế điều chỉnh

Câu 162 **Văn bản** pháp luật thuộc về:

A	Nguồn điều chỉnh
B	Phạm vi điều chỉnh
C	Phương pháp điều chỉnh
D	Cơ chế điều chỉnh

Câu 163 **Ý thức** pháp luật thuộc về:

A	Phương pháp điều chỉnh
B	Cơ chế điều chỉnh
C	Đối tượng điều chỉnh
D	Phạm vi điều chỉnh

Câu 164 Căn cứ nào sau đây không được xét đến để đánh giá hiệu quả của pháp luật

A	Mục tiêu
B	Chi phí cho việc thực hiện pháp luật
C	Kết quả đạt được của thực hiện pháp luật
D	Ý thức pháp luật

Câu 165 Điều chỉnh pháp luật là yếu tố thuộc về:

A	Hình thức bên trong của pháp luật
B	Hình thức bên ngoài của pháp luật
C	Kiểu pháp luật
D	Bản chất của pháp luật

Câu 166 Yếu tố nào sau đây không thuộc cơ chế điều chỉnh pháp luật

- | | |
|----------|---------------------------|
| A | Văn bản áp dụng pháp luật |
| B | Trách nhiệm pháp lý |
| C | Xây dựng pháp luật |
| D | Ý thức pháp luật |

Câu 167 Yếu tố nào sau đây không thuộc cơ chế điều chỉnh pháp luật

- | | |
|----------|------------------------------------|
| A | Chủ thể quan hệ pháp luật |
| B | Trách nhiệm pháp lý |
| C | Ý thức pháp luật |
| D | Tổ chức thực hiện pháp luật |

Câu 168 Yếu tố nào sau đây không thuộc **phương pháp điều chỉnh pháp luật**

- | | |
|----------|--|
| A | Xây dựng pháp luật |
| B | Văn bản áp dụng pháp luật |
| C | Tổ chức thực hiện pháp luật |
| D | Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quá trình điều chỉnh pháp luật |

Câu 169 Yếu tố nào sau đây thuộc phương pháp điều chỉnh pháp luật

- | | |
|----------|------------------------------------|
| A | Tổ chức thực hiện pháp luật |
| B | Chủ thể quan hệ pháp luật |
| C | Trách nhiệm pháp lý |
| D | Ý thức pháp luật |

Câu 170 Yếu tố nào sau đây thuộc phương pháp điều chỉnh pháp luật

- | | |
|----------|---------------------------|
| A | Chủ thể quan hệ pháp luật |
| B | Xây dựng pháp luật |
| C | Trách nhiệm pháp lý |
| D | Ý thức pháp luật |

Câu 171 Yếu tố nào sau đây thuộc phương pháp điều chỉnh pháp luật

- | | |
|----------|--|
| A | Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quá trình điều chỉnh pháp luật. |
| B | Văn bản áp dụng pháp luật |
| C | Chủ thể quan hệ pháp luật |
| D | Ý thức pháp luật |

Câu 172 Những yếu tố nào sau đây thuộc **cơ chế điều chỉnh** pháp luật

- | | |
|----------|----------------------------------|
| A | Chủ thể quan hệ pháp luật |
|----------|----------------------------------|

B	Xây dựng pháp luật
C	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quá trình điều chỉnh pháp luật
D	Tổ chức thực hiện pháp luật

Câu 173 Những yếu tố nào sau đây thuộc **cơ chế điều** chỉnh pháp luật

A	Xây dựng pháp luật
B	Tổ chức thực hiện pháp luật
C	Trách nhiệm pháp lý
D	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quá trình điều chỉnh pháp luật

Câu 174 Chọn đáp án đúng

A	“Xây dựng pháp luật” thuộc cơ chế điều chỉnh pháp luật
B	“Trách nhiệm pháp lý” thuộc cơ chế điều chỉnh pháp luật
C	“Xác định mục tiêu của quá trình điều chỉnh” thuộc cơ chế điều chỉnh pháp luật
D	“Đánh giá hiệu quả của quá trình điều chỉnh” thuộc cơ chế điều chỉnh pháp luật

Câu 175 Lựa chọn đáp án đúng nhất:

A	Hiệu quả của pháp luật là kết quả cụ thể của sự tác động pháp luật đến các quan hệ xã hội so với yêu cầu đặt ra khi ban hành pháp luật
B	Hiệu quả pháp luật chỉ căn cứ vào yêu cầu đặt ra khi ban hành văn bản pháp luật.
C	Hiệu quả pháp luật chỉ căn cứ vào kết quả đạt được của việc thực hiện pháp luật
D	Hiệu quả pháp luật chỉ căn cứ vào chi phí cho việc thực hiện pháp luật

Câu 176 Lựa chọn đáp án đúng nhất:

A	Hiệu quả pháp luật căn cứ vào cơ chế điều chỉnh pháp luật
B	Hiệu quả pháp luật căn cứ vào phương pháp điều chỉnh pháp luật
C	Hiệu quả pháp luật căn cứ vào phạm vi điều chỉnh pháp luật
D	Hiệu quả của pháp luật là kết quả cụ thể của sự tác động pháp luật đến các quan hệ xã hội so với yêu cầu đặt ra khi ban hành pháp luật

Câu 177 Việc thỏa thuận giữa các chủ thể là **Nhà nước và người bị thu hồi đất** là phương pháp điều chỉnh của

A	Luật dân sự
B	Luật hình sự
C	Luật hành chính
D	Luật thi hành án dân sự

Câu 178 Chính phủ giao cho Bộ tư pháp **nghiên cứu điều chỉnh mức xử phạt** trong Luật xử lý vi phạm hành chính là

A	Đối tượng điều chỉnh của pháp luật
----------	------------------------------------

B	Cơ chế điều chỉnh pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 179 Các chủ thể tiến hành các hoạt động mà pháp luật buộc phải làm thuộc hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 180 Các chủ thể kiểm chế không tiến hành các hoạt động mà pháp luật cấm là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 181 Hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tiến hành những hoạt động mà pháp luật cho phép là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 182 A và B đi đăng ký khai sinh cho con. Hoạt động này không phải là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 183 Người tham gia giao thông dừng lại khi có tín hiệu đèn đỏ là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 184 Chủ thể nào không tham gia vào hoạt động áp dụng pháp luật?

A	Cơ quan thuế
B	Ủy ban nhân dân
C	Cảnh sát giao thông
D	Doanh nghiệp nhà nước

Câu 185 A và B giao kết hợp đồng mua bán tài sản. Hoạt động này không phải là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 186 A đi đăng ký sở hữu xe máy tại cơ quan công an. Đây không phải là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 187 A tặng cho con trai mình một chiếc điện thoại. Đây là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Sử dụng pháp luật
C	Thực thi pháp luật
D	Thi hành pháp luật

Câu 188 A tặng cho con trai mình một chiếc điện thoại. Đây là:

A	Quan hệ pháp luật dân sự
B	Quan hệ pháp luật hành chính
C	Quan hệ pháp luật hình sự
D	Quan hệ pháp luật lao động

Câu 189 A đến cửa hàng mua một chiếc điện thoại để tặng cho con trai mình. Chủ thể trong quan hệ pháp luật mua bán nói trên trên là:

A	A và cửa hàng điện thoại
B	A và con trai
C	Cửa hàng điện thoại và con trai
D	A, cửa hàng điện thoại và con trai

Câu 190 A đến cửa hàng mua một chiếc điện thoại để tặng cho con trai mình. Chủ thể trong quan hệ pháp luật **tặng** cho nói trên trên là:

A	A và cửa hàng điện thoại
B	A và con trai
C	Cửa hàng điện thoại và con trai
D	A, cửa hàng điện thoại và con trai

Câu 191 A mua căn hộ chung cư của B để tặng cho con gái mình. Chủ thể trong quan hệ pháp luật **mua bán tài sản** là:

A	A, B và con gái của A
B	A và con gái của A
C	B và con gái của A
D	A và B

Câu 192 A mua căn hộ chung cư của B để tặng cho con gái mình. Chủ thể trong quan hệ pháp luật **tặng** cho tài sản là:

A	A, B và con gái của A
B	A và con gái của A
C	B và con gái của A
D	A và B

Câu 193 A mua căn hộ chung cư của B để tặng cho con gái mình. Đối tượng trong quan hệ pháp luật này là:

A	Căn hộ chung cư
B	Quyền sở hữu căn hộ chung cư
C	Con gái của A
D	A, B và con gái của A

Câu 194 A mua căn hộ chung cư của B để tặng cho con gái mình. Đây là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân lệnh pháp luật
B	Thực thi pháp luật
C	Vận dụng pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 195 A mua căn hộ chung cư của B để tặng cho con gái mình. Đây là hình thức thực hiện pháp luật nào?

A	Tuân thủ pháp luật
B	Thực thi pháp luật

C	Sử dụng pháp luật
----------	-------------------

D	Vận dụng pháp luật
----------	--------------------

Câu 196 Trường hợp nào sau đây cần áp dụng pháp luật

A	Các bên ký hợp đồng mua bán hàng hoá với nhau
----------	---

B	Các bên có tranh chấp và tự giải quyết tranh chấp với nhau
----------	--

C	Các bên có tranh chấp và không tự giải quyết tranh chấp với nhau được
----------	---

D	Các bên ký hợp đồng dịch vụ vận tải.
----------	--------------------------------------

Câu 197 Đáp án nào sau đây không thuộc vào các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật

A	Phân tích, đánh giá đúng sự việc thực tế
----------	--

B	Lựa chọn chủ thể có thẩm quyền
----------	--------------------------------

C	Ra quyết định áp dụng pháp luật
----------	---------------------------------

D	Tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật
----------	--

Câu 198 Áp dụng pháp luật tương tự là:

A	Cơ chế điều chỉnh pháp luật
----------	-----------------------------

B	Phương pháp điều chỉnh pháp luật
----------	----------------------------------

C	Đối tượng điều chỉnh pháp luật
----------	--------------------------------

D	Thực hiện pháp luật
----------	---------------------

Câu 199 Giải thích pháp luật chính thức là:

A	Là hoạt động của Tòa án
----------	-------------------------

B	Là hoạt động của Quốc hội
----------	---------------------------

C	Là hoạt động của chủ thể có thẩm quyền
----------	--

D	Là hoạt động của Chính phủ
----------	----------------------------

Câu 200 Lựa chọn đáp án đúng:

A	Giải thích pháp luật chính thức phải bằng văn bản
----------	---

B	Giải thích pháp luật chính thức không bắt buộc bằng văn bản
----------	---

C	Giải thích pháp luật không chính thức phải bằng văn bản
----------	---

D	Giải thích pháp luật phải bằng văn bản.
----------	---

Câu 201 Lựa chọn đáp án đúng;

A	Giải thích pháp luật chính thức phải do chủ thể có thẩm quyền thực hiện
----------	---

B	Giải thích pháp luật không chính thức phải do chủ thể có thẩm quyền thực hiện
----------	---

C	Giải thích pháp luật phải do chủ thể có thẩm quyền thực hiện
----------	--

D	Giải thích pháp luật do bất kỳ cá nhân, tổ chức nào thực hiện.
----------	--

Câu 202 Đáp án nào dưới đây không phải là phương pháp giải thích pháp luật:

A	Giải thích bằng văn bản
B	Giải thích hệ thống
C	Giải thích logic
D	Giải thích chính trị, lịch sử

Câu 203 Việc ban hành một quyết định thi hành án **hình sự** đối với cá nhân là hoạt động

A	Xây dựng pháp luật
B	Áp dụng pháp luật
C	Sử dụng pháp luật
D	Tuân thủ pháp luật

Câu 204 Hoạt động **công chứng** di chúc là hoạt động

A	Sử dụng pháp luật
B	Tuân thủ pháp luật
C	Thi hành pháp luật
D	Áp dụng pháp luật

Câu 205 Hoạt động áp dụng pháp luật giành cho

A	Mọi chủ thể
B	Cá nhân
C	Tổ chức
D	Cá nhân, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Câu 206 **Tuân thủ pháp luật** là hình thức thực hiện pháp luật dưới dạng

A	Hành động
B	Không hành động
C	Hành động và không hành động
D	Hành động không hợp pháp

Câu 207 Thực hiện pháp luật không thể là hình thức trong đó

A	Các chủ thể có hành vi hợp pháp
B	Các chủ thể có hành vi hành động hợp pháp
C	Các chủ thể có hành động không hợp pháp
D	Các chủ thể hành động hay không hành động hợp pháp

Câu 208 Ai có quyền tiến hành các hoạt động áp dụng pháp luật

A	Cá nhân, tổ chức xã hội và doanh nghiệp
B	Cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền

C	Nhân dân
D	Người nước ngoài

Câu 209 Tính chất của hoạt động áp dụng pháp luật

A	Là hoạt động mang tính cá biệt – cụ thể và không mang quyền lực nhà nước
B	Là hoạt động mang tính cá biệt – cụ thể và nhưng thể hiện quyền lực nhà nước
C	Là hoạt động vừa mang tính cá biệt – cụ thể và vừa thể hiện quyền lực nhà nước
D	Là hoạt động đặc thù mang thẩm quyền của Nhà nước

Câu 210 Áp dụng pháp luật tương tự được hiểu là

A	Chưa có quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động đang áp dụng
B	Có luật nhưng không biết áp dụng
C	Cần phải áp dụng theo quan điểm thực tế
D	Pháp luật nhiều lỗ hổng

Câu 211 Các quyết định áp dụng pháp luật tương tự được ban hành bởi các chủ thể có thẩm quyền trong quan hệ pháp luật

A	Hình sự
B	Dân sự
C	Hành chính
D	Kỷ luật

Câu 212 Các quyết định áp dụng pháp luật tương tự có thể được ban hành bằng hình thức

A	Có thể bằng miệng hoặc văn bản tùy từng trường hợp cụ thể
B	Bằng miệng
C	Bằng văn bản
D	Chỉ cần người có thẩm quyền áp dụng pháp luật giải thích

Câu 213 Áp dụng pháp luật tương tự

A	Chỉ có một dạng là Áp dụng tương tự quy phạm pháp luật
B	Chỉ có một dạng là áp dụng tương tự pháp luật
C	Là biện pháp mang tính khẩn cấp tạm thời
D	Là việc Áp dụng tương tự quy phạm pháp luật và áp dụng tương tự pháp luật

Câu 214 Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai do Chủ tịch UBND ban hành là

A	Sử dụng pháp luật
B	Thi hành pháp luật
C	Áp dụng pháp luật

D | Tuân thủ pháp luật

Câu 215 Ca sỹ V.O (26 tuổi, đủ năng lực hành vi dân sự) khởi kiện bà P.H về hành vi xúc phạm danh dự và yêu cầu bồi thường thiệt hại, Hành vi của V.O là

A | Tuân thủ pháp luật

B | Chấp hành pháp luật

C | Sử dụng pháp luật

D | Áp dụng pháp luật tương tự

Câu 216 Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là yếu tố nào sau đây?

A | Yếu tố lỗi

B | Yếu tố thủ đoạn, cách thức thực hiện hành vi

C | Công cụ, phương tiện

D | Hậu quả, thiệt hại từ hành vi VPPL

Câu 217 Mặt khách quan của vi phạm pháp luật là yếu tố nào sau đây?

A | Lỗi, động cơ, mục đích

B | Độ tuổi chủ thể Vi phạm pháp luật

C | Quyền sở hữu

D | Phương thức, thủ đoạn phạm tội

Câu 218 Mặt chủ thể của vi phạm pháp luật là yếu tố nào sau đây?

A | Lỗi, động cơ, mục đích

B | Độ tuổi Vi phạm pháp luật

C | Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả

D | Quyền sống của con người

Câu 219 Mặt khách thể của vi phạm pháp luật là yếu tố nào sau đây?

A | Hành vi vi phạm pháp luật

B | Lỗi cố ý trực tiếp

C | Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả

D | Quyền sở hữu của công dân

Câu 220 Căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật

A | Cấu thành vi phạm pháp luật

B | Căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế

C | Là hành vi vi phạm pháp luật và mức độ nghiêm trọng của hành vi

D | Là các quy định của pháp luật về vi phạm và xử lý vi phạm

Câu 221: Chủ thể của vi phạm pháp luật là

- A. Các cơ quan nhà nước có chức năng quản lý xã hội
- B. Cá nhân, tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý, thực hiện hành vi trái pháp luật, có lỗi
- C. Mọi cá nhân, tổ chức xâm hại đến quan hệ xã hội
- D. Công dân nước sở tại

Câu 222: Chế tài nghiêm khắc nhất trong các loại trách nhiệm pháp lý là:

- A. Chế tài hành chính
- B. Chế tài dân sự
- C. Chế tài hình sự
- D. Chế tài kỷ luật

Câu 223 Hành vi nào dưới đây là hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Hành vi làm thiệt hại đến xã hội của người tâm thần.
- B. Ý định cướp tài sản của người khác.
- C. Hành vi trốn thuế.
- D. Hành vi cư xử không lịch sự

Câu 224: Nhà nước đưa ra trách nhiệm pháp lý là nhằm:

- A. Lập lại trật tự xã hội
- B. Ngăn chặn người phạm tội có những vi phạm mới
- C. Buộc chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi trái pháp luật, phải chịu những thiệt hại nhất định; giáo dục răn đe những người khác.
- D. Phạt tiền người vi phạm.

Câu 225: Vi phạm kỷ luật là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm các quan hệ

- A. lao động, công vụ nhà nước.
- B. Nhân thân phi tài sản
- C. Chuyển dịch tài sản
- D. Hôn nhân gia đình

Câu 226: Vi phạm pháp luật hành chính là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm

- A. các quan hệ lao động, công vụ nhà nước.
- B. Quan hệ sở hữu tài sản
- C. Các quy tắc quản lý của Nhà nước
- D. Quyền sở hữu công nghiệp

Câu 227: Hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ là khái niệm

- A. Vi phạm nội quy
- B. Vi phạm kỷ luật

C. Vi phạm pháp luật

D. Vi phạm điều lệ

Câu 228: Đối tượng của vi phạm hành chính là

A. Cá nhân

B. Cá nhân, tổ chức

C. Doanh nghiệp

D. Cơ quan hành chính

Câu 229: Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người vi phạm pháp luật hình sự

A. Quốc hội

B. Viện kiểm sát

C. Tòa án

D. Cơ quan điều tra

Câu 230: Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là:

A. Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỷ luật.

B. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

C. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

D. Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.

Câu 231: Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là

A. Tính chất phạm tội

B. Hành vi vi phạm pháp luật

C. Động cơ, mục đích phạm tội

D. Khả năng nhận thức của chủ thể

Câu 232; Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra phải là thiệt hại

A. Vật chất

B. Tinh thần

C. Vật chất, tinh thần

D. Phi vật chất

Câu 233 Trường hợp nào dưới đây không bị coi là vi phạm pháp luật hành chính

A. Kinh doanh trên phố đi bộ Đinh Tiên Hoàng –Hà Nội

B. Vứt khẩu trang không đúng nơi quy định

C. Hành vi đỗ xe tại nơi có biển báo cấm đỗ xe vì lý do xe đột ngột bị nổ lốp xe

D. Hút thuốc lá tại quán Cà phê

Câu 234: Không thấy trước hành vi có thể gây ra hậu quả mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước là đặc điểm của lỗi

A. Vô ý vì quá tự tin

B. Cố ý trực tiếp

C. Cố ý gián tiếp

D. Vô ý do cầu thả

Câu 235: Mỗi hành vi vi phạm pháp luật

A. Chỉ phải chịu một loại trách nhiệm pháp lý

B. Đồng thời phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự

C. phải chịu đồng thời trách nhiệm pháp lý hình sự và hành chính.

D. Do cơ quan hành chính Nhà nước xử phạt

Câu 236: Hành vi vi phạm các quy tắc, quy chế được xác lập trong một tổ chức, cơ quan, đơn vị là

A. Vi phạm dân sự

B. Vi phạm kỷ luật

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm hình sự

Câu 237: Hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm là:

A. Vi phạm dân sự

B. Vi phạm kỷ luật

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm hình sự

Câu 238: Trách nhiệm pháp lý được áp dụng đối với người vi phạm pháp luật nhằm

A. Giáo dục, răn đe, hành hạ

B. Xử phạt hành chính

C. Phạt tù hoặc tử hình

D. Giáo dục, răn đe, phòng ngừa

Câu 239: A là lái xe có hành vi vận chuyển ma túy và bị cơ quan công an bắt quả tang. Do đó, A sẽ phải chịu

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm hành chính

C. Trách nhiệm kỷ luật

D. Không phải chịu trách nhiệm

Câu 240: A lái xe máy, do không để ý đã đâm đổ bờ tường của ủy ban nhân dân xã. Do đó, A phải chịu

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm hành chính

C. Trách nhiệm dân sự

D. Không phải chịu trách nhiệm

Câu 241: A điều khiển xe máy và bị cơ quan công an yêu cầu dừng lại để kiểm tra nồng độ cồn. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn của A vượt quá mức quy định, A sẽ phải chịu

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm hành chính

C. Trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 242: A làm việc tại công ty cổ phần X. Trong thời gian làm việc, A thường xuyên đi làm muộn và không hoàn thành đúng thời hạn các công việc được giao; A chịu:

- A. Trách nhiệm hình sự B. Trách nhiệm hành chính
C. Trách nhiệm dân sự D. Trách nhiệm kỷ luật

Câu 243: Công ty A và công ty B ký hợp đồng hợp tác cung ứng vật liệu, đang trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty A đơn phương **chấm dứt hợp đồng gây thiệt** hại nghiêm trọng cho công ty B trong quá trình sản xuất sản phẩm, Công ty A sẽ phải chịu:

- A. Trách nhiệm hình sự B. Trách nhiệm hành chính
C. Trách nhiệm dân sự D. Phạt vi phạm

Câu 244: Anh A có hành vi dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để anh B đặt cọc mua đất và nhận số tiền đặt cọc **500 triệu và không trả lại** khi anh B phát hiện

- A. **Trách nhiệm hình sự** B. Trách nhiệm hành chính
C. Trách nhiệm dân sự D. Phạt vi phạm

Câu 245: A có hành vi **vi điều khiển xe cứu thương** đi vào đường ngược chiều, hành vi của A

- A. Chịu Trách nhiệm hình sự B. Chịu Trách nhiệm hành chính
C. Chịu Trách nhiệm dân sự D. **Không vi phạm pháp luật**

Câu 246: (KHÓ) A lái xe đi đúng phần đường quy định, đúng tốc độ, thì có hai người đột nhiên từ trong nhà đuổi nhau ra đường và bị xe A đâm bị thương tích, A sẽ:

- A. Chịu Trách nhiệm hình sự B. Chịu Trách nhiệm hành chính
C. Chịu Trách nhiệm dân sự D. **Không phải chịu trách nhiệm pháp lý**

Câu 247: (KHÓ) Hành vi nào sau đây là vi **phạm pháp luật hành chính**?

- A. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
B. Trộm cắp vật
C. Sử dụng tác phẩm âm nhạc không xin phép tác giả
D. **Không đeo khẩu trang khi ra đường**

Câu 248: (KHÓ) A (cán bộ y tế) tiêm nhầm thuốc vacxin covid cho trẻ em từ 02-12 tháng tuổi, đây là hành vi vi phạm với lỗi

- A. Cố ý trực tiếp B. Cố ý gián tiếp
C. **Vô ý do cầu thả** D. Vô ý vì quá tự tin

Câu 249: (KHÓ) **"Phạt tiền"** là biện pháp dành cho người có hành vi phạm pháp luật

A. Hành chính

B. Hình sự

C. Hành chính và hình sự

D. Dân Sự

Câu 250: (KHÓ) A (13 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại di động trị giá 7 triệu của hàng xóm là chị B. Hành vi của A

A. Chịu trách nhiệm hình sự với lỗi cố ý

B. Chịu trách nhiệm hành chính

C. Miễn trách nhiệm hình sự

D. Không phải chịu trách nhiệm hình sự

Câu 251: (KHÓ) Hành vi nào vi phạm pháp luật dân sự

A. Xây nhà trái phép

B. Trộm cắp vật

C. Sử dụng tác phẩm không xin phép

D. Không tuân thủ quy định 5k của Bộ y tế

Câu 252: (KHÓ) Khi nghiên cứu về vi phạm pháp luật thì khẳng định nào sau đây là sai?

A. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật dân sự, vi phạm pháp luật hành chính, vi phạm kỉ luật

B. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật hình sự, vừa là vi phạm pháp luật hành chính

C. Một hành vi có thể vừa là vi phạm pháp luật hành chính, vừa là vi phạm pháp luật dân sự

D. Một hành vi có thể đồng thời vi phạm vào nhiều loại văn bản pháp luật khác nhau

Câu 253: Một người có ý thức pháp luật mang tính lý luận là như thế nào?

A. Là người có kiến thức nhất định về pháp luật, có kinh nghiệm giải quyết một số vụ việc pháp lý cụ thể những kiến thức pháp luật của người này chỉ dừng lại ở hiểu biết bên ngoài chưa đi vào bản chất bên trong của pháp luật

B. Là người có hiểu biết sâu sắc, có tính hệ thống về pháp luật và tồn tại dưới dạng các học thuyết, quan điểm về pháp luật

C. Là người có kiến thức sâu sắc, có tính hệ thống về pháp luật

D. Là người có trình độ cao về pháp luật nhưng chưa đạt đến trình độ để đưa ra các học thuyết, quan điểm khoa học về pháp luật

Câu 254: Một người mang ý thức pháp luật thông thường là người đáp ứng điều kiện nào sau đây?

A. Là người có kiến thức nhất định về pháp luật, có kinh nghiệm giải quyết một số vụ việc pháp lý cụ thể những kiến thức pháp luật của người này chỉ dừng lại ở hiểu biết bên ngoài chưa đi vào bản chất bên trong của pháp luật

B. Là người có kiến thức sâu sắc, có tính hệ thống về pháp luật

C. Là người có trình độ cao về pháp luật nhưng chưa đạt đến trình độ để đưa ra các học thuyết, quan điểm khoa học về pháp luật

D. Là người có trình độ chuyên môn cao về pháp luật, có thể đưa ra những học thuyết, quan điểm mang tính khoa học về pháp luật

Câu 255: Tâm lý pháp luật được biểu hiện dưới hình thức nào sau đây?

A. Là tổng thể quan điểm, học thuyết về pháp luật

B. Là tổng thể tư tưởng, học thuyết về pháp luật

C. Là cách thức xử sự của con người đối với pháp luật

D. Là tâm trạng, xúc cảm, thái độ, tình cảm của con người đối với pháp luật và các hiện tượng pháp lý khác

Câu 256: Để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, cần tăng cường công tác nào sau đây?

A. Công tác lập pháp

B. Công tác lập pháp, hành pháp, tư pháp

C. Công tác hành pháp

D. Công tác tư pháp

Câu 257: Khái niệm ý thức pháp luật được hiểu là?

A. Là thái độ, sự đánh giá của con người đối với pháp luật và hệ tư tưởng pháp luật

B. Là thái độ của nhà nước đối với pháp luật và các hiện tượng pháp lý

C. Là thái độ của các nhà lập pháp đối với pháp luật hiện hành

D. Là thái độ của cơ quan có thẩm quyền áp dụng pháp luật đối với pháp luật

Câu 258: Mối quan hệ giữa Ý thức pháp luật với tồn tại xã hội

A. Có mối quan hệ nội tại như quan hệ nhân quả

B. Ý thức pháp luật quyết định đến tồn tại xã hội

C. Ý thức pháp luật thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội

D. Không có mối quan hệ với nhau

Câu 259: Đây là đặc điểm của ý thức pháp luật

A. Có tính quyết định bởi các chủ thể là nhà nước

B. Là hiện tượng mang tính giai cấp

C. Chính là ý thức hệ tư tưởng của pháp luật

D. Là hệ tư tưởng của pháp luật

Câu 260: Để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa cần phải thực hiện các biện pháp như thế nào?

A. Chỉ cần tăng cường hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

B. Chỉ cần tăng cường hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật trên tất cả các lĩnh vực.

C. Chỉ cần tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật.

D. Phải tăng cường và tiến hành đồng bộ tất cả các hoạt động nêu trên.

Câu 261: Khái niệm “pháp chế xã hội chủ nghĩa” được hiểu như thế nào?

A. Pháp chế xã hội chủ nghĩa là sự tuân thủ pháp luật trong hành vi xử sự của tất cả các chủ thể pháp luật.

B. Pháp chế xã hội chủ nghĩa chỉ là sự tuân thủ pháp luật trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội

C. Pháp chế xã hội chủ nghĩa chỉ là sự tuân thủ pháp luật trong hành vi xử sự công dân.

D. Pháp chế xã hội chủ nghĩa chỉ là sự tuân thủ pháp luật trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Câu 262: Mối quan hệ giữa pháp luật và pháp chế

A. Pháp chế có trước pháp luật

B. Pháp luật luôn có trước pháp chế

C. Pháp luật là cơ sở để phục vụ cho pháp chế

D. Pháp chế phụ thuộc vào việc không có pháp luật

Câu 263: Muốn đảm bảo pháp chế phải cần điều kiện

A. Hệ thống pháp luật đồng bộ

B. Thượng tôn pháp luật

C. Trưng cầu dân ý thường xuyên

D. Hệ thống pháp luật đồng bộ và sự tuân thủ nghiêm minh của mọi chủ thể

Câu 264: Pháp chế XHCN đặt ra yêu cầu với các cơ quan Nhà nước

A. Luôn áp dụng đúng pháp luật

- B. Luôn đảm bảo chức năng nhiệm vụ
- C. Không được để xảy ra tình trạng “lạm quyền”

D. Chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép

Câu 265: Pháp chế XHCN đặt ra yêu cầu với các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp

- A. Phải hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích
- B. Phải được thành lập và hoạt động hợp hiến, hợp pháp**
- C. Phải chấp hành yêu cầu đóng thuế
- D. Phải chấp hành quy định phòng chống 5k của Bộ y tế

Câu 266: Pháp chế với mọi cá nhân, mọi công dân

- A. Không được vi phạm pháp luật
- B. Không loan truyền hình ảnh vi phạm PL
- C. Không được làm gì không được cho phép
- D. Được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm**

Câu 267: Pháp chế đặt ra yêu cầu với mọi cá nhân, mọi công dân

- A. Phải luôn xử sự hợp pháp
- B. Chỉ được làm gì pháp luật quy định
- C. Không buôn gian bán lận
- D. Sống làm việc theo hiến pháp**

Câu 268: Đâu không phải là nguyên tắc pháp chế

- A. Bảo đảm sự thống nhất của pháp chế trên quy mô toàn quốc
- B. Thượng tôn pháp luật**
- C. Bảo đảm hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp
- D. Mọi vi phạm phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh không có ngoại lệ

Câu 269: Nội dung nào được coi là quan trọng nhất của pháp chế

- A. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật**
- B. Tổ chức thực hiện pháp luật
- C. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật
- D. Tăng cường phương thức lãnh đạo của Đảng

Câu 270: Ý thức pháp luật có cấu trúc

- A. Hệ tư tưởng pháp luật
- B. Thực hiện pháp luật

C. Tâm lý pháp luật

D. Hệ tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật

Câu 271: (Khó) Ý thức pháp luật có vai trò

A. Là tiền đề xây dựng Nhà nước thượng tôn pháp luật

B. Là tiền đề xây dựng Nhà nước pháp quyền

C. Là tiền đề tư tưởng trực tiếp để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

D. Là tiền đề xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Câu 272: (Khó) Điều không phải là bảo đảm của pháp chế

A. Bảo đảm văn hóa

B. Bảo đảm chính trị và tư tưởng

C. Bảo đảm kinh tế

D. Bảo đảm pháp lý

Câu 273: (Khó) Hoạt động không phải là hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật

A. Thông qua họp quốc hội

B. Thông qua công tác xét xử

C. Thông qua truyền thông

D. Thông qua chương trình giáo dục pháp luật đại cương

Câu 274: (Khó) Pháp chế là chế độ đặc biệt của đời sống xã hội, trong đó

A. Các cơ quan, đơn vị tổ chức phải tôn trọng và thực hiện pháp luật

B. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và mọi công dân phải tôn trọng và thực hiện PL

C. Phải có sự thượng tôn pháp luật

D. Phải có trưng cầu dân ý

Câu 275: Yêu cầu nào dưới đây không phải là yêu cầu của Pháp chế xã hội chủ nghĩa

A. Bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và Luật

B. Gắn liền công tác pháp chế với văn hóa

C. Bảo đảm có nền quốc phòng chính quy hiện đại

D. Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế trên toàn quốc

Câu 276: (Khó) Muốn tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phải:

A. Tăng cường thu ngân sách nhà nước

B. Mở rộng kinh tế

C. Quan hệ song phương và đa phương

D. Tăng cường công tác tổ chức thực hiện pháp luật

Câu 277: (Khó) Yêu cầu hàng đầu để có pháp chế XHCN

- A. Nhà nước phải ban hành được hệ thống pháp luật đầy đủ, hoàn chỉnh.
- B. Các chủ thể pháp luật phải tôn trọng, tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh PL
- C. Bảo đảm tính thống nhất của pháp chế trên toàn quốc
- D. Bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp, pháp luật.

Câu 278: Tên văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động phòng chống tham nhũng hiện nay là

- A. Luật phòng chống tham nhũng 2018
- B. Luật phòng chống tham nhũng 2015
- C. Luật tham nhũng 2018
- D. Luật phòng chống tham ô 2018

Câu 279: Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng:

- A. Tuân thủ pháp luật
- B. Sử dụng pháp luật thường xuyên
- C. Thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc thông qua tổ chức mà mình là thành viên tham gia phòng, chống tham nhũng;
- D. Thông qua Nhà trường nơi học tập

Câu 280: Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có hiệu lực thì hành khi nào?

- A. 01/01/2019
- B. 01/7/2019
- C. 01/01/2020
- D. 01/7/2020

Câu 281: Chủ thể nào sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Luật Phòng, chống tham nhũng?

- A. Công chức
- B. Trưởng thôn
- C. Người quản lý trong doanh nghiệp Nhà nước
- D. Công nhân quốc phòng

Câu 282: Tham nhũng là gì?

- A. Là hành vi vụ lợi của người có chức vụ quyền hạn
- B. Là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.
- C. Là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức
- D. Là hành vi vụ lợi của cán bộ, công chức, viên chức.

Câu 283: Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước phải làm gì

A. kịp thời xử lý theo thẩm quyền

B. báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật

C. kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

D. Hợp cơ quan và xử lý nội bộ

Câu 284: Khi phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình công tác thì cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang có nghĩa vụ gì?

A. Báo ngay đến chính quyền địa phương gần nhất

B. Báo cáo ngay cho cơ quan thanh tra cùng cấp.

C. Báo cáo ngay cho cơ quan cảnh sát điều tra cùng cấp.

D. Báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp người đứng đầu có liên quan đến hành vi tham nhũng thì báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ

Câu 285: A ở chung nhà với bố mẹ ruột. Nhà do bố mẹ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất. Khi kê khai tài sản, thu nhập:

A. A không phải kê khai căn nhà đang ở

B. A phải kê khai căn nhà đang ở nếu ba mẹ có hứa cho A căn nhà này

C. Vợ A sẽ kê khai (vì ở cùng bố mẹ)

D. A phải kê khai căn nhà đang ở vì có quyền sử dụng

Câu 286: Tài sản tham nhũng được xử lý như thế nào?

A. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, sung công quỹ Nhà nước.

B. Tài sản tham nhũng phải được tịch thu, xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

C. Phải trả lại cho nhân dân

D. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật

Câu 287: Công dân có quyền gì trong phòng chống tham nhũng

A. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng

B. Công dân chỉ có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

C. Công dân chỉ có quyền **phát hiện, kiến nghị** với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và **giám sát** việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

D. Công dân chỉ có quyền phát hiện nhà báo tin về hành vi tham nhũng.

Câu 288: Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là bao nhiêu năm?

A. Từ đủ 02 năm đến 04 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực

B. Từ đủ 04 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

C. Từ đủ 03 năm đến 06 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

D. Từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

Câu 289: Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí những người nào dưới đây giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

A. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột

B. Bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột.

C. Con, anh, chị, em ruột

D. Vợ hoặc chồng.

Câu 290: Thế nào là “Vụ lợi”

A Vụ lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham nhũng.

B Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng.

C Vụ lợi là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham nhũng.

D Vụ lợi là việc công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng.

Câu 291: Người kê khai tài sản, thu nhập phải có nghĩa vụ gì?

A. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định của Luật này.

B. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình.

C. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng.

D. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, con chưa thành niên.

Câu 292: Trong phòng chống tham nhũng công tác kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm những hình thức nào?

A. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng

B. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất.

C. Chỉ kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng

D. Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch và tập trung vào lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng; kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng

Câu 293: Chủ thể nào sau đây không được quy định là người có chức vụ, quyền hạn?

A. Người lao động trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

B. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

C. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân

D. Cán bộ, công chức, viên chức.

Câu 294: (Khó) Cơ quan nào sau đây không phải là cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập?

A. Tòa án nhân dân tối cao B. Thanh tra Bộ, cơ quan ngang bộ

C. Thanh tra chính phủ D. Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Câu 295: Người nào sau đây không phải kê khai tài sản, thu nhập?

A. Thanh tra viên B. Giáo viên

C. Kiểm sát viên D. Thẩm phán

Câu 296: Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại nơi nào?

A. Phải được công khai tại nơi cư trú của người có nghĩa vụ kê khai.

B. Phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.

C. Phải được công khai tại nơi có tài sản của người có nghĩa vụ kê khai.

D. Phải được công khai tại Ủy ban nhân dân phường nơi người đó cư trú

Câu 297: Tên văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động phòng chống tham nhũng hiện nay là

- A. Luật phòng chống tham nhũng 2018 B. Luật phòng chống tham nhũng 2015
C. Luật tham nhũng 2018 D. Luật phòng chống tham ô 2018

Câu 298: (KHÓ) Hành vi nhận tiền, sửa điểm thi là hành vi nào trong số các hành vi sau đây?

- A. Nhận hối lộ
B. Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ vì vụ lợi
C. Tiêu cực
D. Gian lận trong thi cử

Câu 299 (Khó) Ông M là Vụ trưởng một Vụ của Bộ C. Chị H là con gái ông M làm chuyên viên kế toán của Vụ đang được dự kiến bổ nhiệm vị trí công tác mới. Hỏi nếu bổ nhiệm, Chị H không được đảm nhiệm vị trí công tác nào dưới đây theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018?

- A. Chủ tịch Công đoàn cơ quan
B. Giữ chức vụ quản lý trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế.
C. Truyền thông, quan hệ công chúng.

D. Thủ quỹ

Câu 300 (Khó) Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng do chủ thể nào đứng đầu

- A. Chủ tịch nước B. Tổng Bí thư
C. Thủ tướng Chính phủ D. Chủ tịch Quốc hội